

Bản án số: 99/2024/DS-PT

Ngày: 29 - 02 - 2024

V/v tranh chấp liên quan đến tài sản cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Hà Thanh Hùng

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thủy - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 537/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 378/2023/DS-ST ngày 28 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Tô H. Sinh năm: 1969.

2. Bà Đỗ Thị K. Sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Trần Ngọc M, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T1. Sinh năm: 1961 (có mặt).

2. Bà Huỳnh Thị N1. Sinh năm: 1963; ***Người đại diện hợp pháp của bà N1:*** Ông Nguyễn Văn T1, theo giấy uỷ quyền ngày 17/01/2024.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (vắng).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau..

2. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trần Văn Thời.

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (vắng).

Địa chỉ: Số 2 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

4. Bà Huỳnh Yến N3. Sinh năm: 1980 (vắng).

5. Bà Huỳnh Thị O. Sinh năm: 1958 (vắng).

6. Ông Trần Văn L5. Sinh năm: 1964 (vắng).

7. Bà Lý Hồng N2. Sinh năm: 1978. *Người đại diện hợp pháp của bà Lý Hồng N2:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh C . (có mặt).

8. Bà Trần Thị P. Sinh năm: 1980 (vắng).

9. Ông Cao Hải L4. Sinh năm: 1983 (vắng).

10. Chị Nguyễn Thị Chúc L. Sinh năm: 1987.

11. Chị Nguyễn Thị Bé T2. Sinh năm: 1990.

12. Chị Nguyễn Thị Bé T3. Sinh năm: 1992.

13. Chị Nguyễn Phương L2. Sinh năm: 1994.

14. Anh Nguyễn Khánh L3. Sinh năm: 1996.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh C ..

Chúc Ly, Bé Thùy, Bé Trang, Phương Linh và Khánh Linh là các con của ông T1, bà N1.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thị Chúc L, Nguyễn Khánh L3, Nguyễn Thị Bé T3, Nguyễn Phương L2, Nguyễn Thị Bé T2: Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp Bảy Ghe, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (theo giấy ủy quyền ngày 09/01/2024, ngày 17/01/2024), (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị N1, là bị đơn; Chị Nguyễn Thị Bé T2, là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Căn cứ Bản án số 250/2018/DS-PT ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau; Căn cứ Quyết định thi hành án số: 693- CCTHADS ngày 09/01/2019; Căn cứ Thông báo số 117/TB-CCTHADS ngày 26/12/2019 về việc xác định phần sở hữu quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình. Từ những căn

cứ trên ông H, bà K yêu cầu Tòa án xác định phân sở hữu quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị N1 để đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

** Lời trình bày của ông Nguyễn Văn T1:* Hiện nay ông quản lý sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 1.145m² được Nhà nước cấp năm 2005, đã qua ông cho đất 05 người con ruột: Nguyễn Thị Chúc L, Nguyễn Thị Bé T2, Nguyễn Thị Bé T3, Nguyễn Phương L2, Nguyễn Khánh L3, mỗi người ngang mặt tiền 05 mét, dài tới sông Rạch Bàn; chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị O diện tích ngang 05 mét, dài 40 mét; Trần Thị P diện tích ngang 05 mét, dài 40 mét. Hiện nay phần đất còn lại vợ chồng ông quản lý 01 nền nhà ngang 05 mét, dài tới sông Rạch Bàn, khoảng 75 mét, trên phần đất có 01 căn nhà cây gỗ địa phương, lợp tol tiếp lô, ngang 05 mét dài khoảng 13 mét, nền xi măng, phía sau có 02 mộ. Các con ông có Nguyễn Thị Bích Trang đang ở trên phần đất có 01 căn nhà cây gỗ địa phương, lợp tol sóng vuông, nền sàn lát bằng ván thông, nhà ngang 04 mét, dài khoảng 10 mét. Phần đất cho 05 người con chỉ nói miệng không có làm giấy tặng cho, còn 02 nền nhà chuyển nhượng cho bà O và bà P có làm giấy tay, vì lúc chuyển nhượng, tặng cho do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay Ngân hàng nên không làm sổ và cũng không tách ra được. Ông vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 67.000.000 đồng, Ngân hàng Chính sách 45.000.000 đồng. Có thể chấp vay bà Lý Hồng N2 số tiền 50.000.000 đồng, thế chấp căn nhà ông đang ở.

Đối với phần đất hiện nay còn mà ông đang quản lý và căn nhà, ông đồng ý bán để thi hành án cho ông Tô H và trả cho 02 Ngân hàng và trả cho bà N2.

** Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau trình bày:* Vào ngày 25/4/2022 Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị N1 vay theo Hợp đồng số 01206-VL/2022/HĐTD với số tiền gốc 42.000.000 đồng vay đến ngày 12/04/2027. Nhưng tính đến ngày 22/6/2023 nợ gốc 42.000.000 đồng, lãi 68.120 đồng, tổng vốn và lãi 42.068.120 đồng, yêu cầu ông T1 bà N1 trả số nợ trên.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lý Hồng N2 có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu ông T1 và bà N1 trả số tiền 50.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 378/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô H và bà Đỗ Thị K, xác định phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AC 086237 ngày 15/3/2005, tại thửa số 633, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.145m², tọa lạc tại ấp Rạch Bàn, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là của ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị N1.

- Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị N1 trả cho bà Lý Hồng N2 50.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trần Văn Thời, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Nguyệt có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 22/6/2023 là 42.068.120 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/10/2023, ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị N1 là bị đơn; chị Nguyễn Thị Bé T2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng và không xem xét thẩm định tại chỗ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, chị Trần Ngọc M trình bày: Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, căn cứ vào Thông báo số 117 ngày 26/12/2019 và Thông báo số 523 ngày 21/10/2019 nguyên đơn kiện yêu cầu xác nhận phần sở hữu quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất đối với 1/7 diện tích đất do ông T1 đứng tên giấy chứng nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu xác nhận phần sở hữu QSD đất đối với 2/7 diện tích đất (phần của ông T1 và phần của bà N1).

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy án sơ thẩm. Không đồng ý phần đất 1.145m² thuộc QSD đất của ông T1, bà N1. Căn cứ kháng cáo: Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho Hộ gia đình gồm 07 người (vợ chồng ông và 05 người con), vợ chồng ông đã chia cho các con mỗi người một nền nhà ngang 04m x 40m, có 03 người xây cất nhà trên đất và ông cũng sang bán cho nhiều người khác; Tòa án cấp sơ thẩm không thẩm định, đo đạc phần đất.

- Anh Dương Văn Đ là người đại diện hợp pháp của Chúc L, Bé T2, Bé T3, Phương L2 và Khánh L3 trình bày:

Chúc L, Bé T3, Phương L2 và Khánh L3 không nhận được bản án nên không biết nội dung để kháng cáo. Nguyễn Thị Bé T2 kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Chúc L, Bé T2, Bé T3, Phương L2 và Khánh L3 tham dự phiên tòa; Trên phần đất có 03 căn nhà nhưng Tòa án huyện không đo đạc thẩm định; QSD đất cấp cho hộ gia đình.

- Ông Nguyễn Thanh B trình bày: Bản án sơ thẩm tuyên không ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không giao giấy mời xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm với các lý do: Bản án sơ thẩm xét xử

vượt quá nội dung khởi kiện của nguyên đơn; QSD đất ông T1 đã chia cho 05 người con cất nhà ở ổn định và ông T1 bán nền nhà cho nhiều người, nhưng án sơ thẩm công nhận toàn bộ phần đất thuộc về bị đơn là ảnh hưởng đến quyền lợi của các con; Bà Huỳnh Thị O có đơn yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất nhưng cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị N1, chị Nguyễn Thị Bé T2 trong thời hạn luật định, được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Hộ ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị N1 được cấp quyền sử dụng đất ngày 15/3/2005 với diện tích 1.145m² đất vườn thuộc thửa 633, tờ bản đồ số 02 tại ấp Rạch Bần, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời; Trước khi được cấp QSD đất, vào năm 2003 bị đơn ông T1, bà N1 sang nhượng cho ông Tô H, bà Đỗ Thị K diện tích 180m² giá 6.000.000 đồng, nhưng vẫn chưa giao đất cho ông H mà lấy phần đất bán cho ông H đem tặng cho con gái tên Thùy Trang cất nhà, cho nên năm 2018 ông H bà K khởi kiện yêu cầu bị đơn giao đất. Bản án số: 250/2018/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau buộc ông T1 bà N1 trả cho ông H bà K số tiền sang nền nhà 6.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại 86.800.000 đồng. Ông H bà K làm đơn yêu cầu thi hành án, tại Thông báo số 523 ngày 21/10/2019, của Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời có nội dung “Ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị N1, Nguyễn Thị Chúc L, Nguyễn Thị Bé T2, Nguyễn Thị Bé T3, Nguyễn Phương L2 và Nguyễn Khánh L3 mỗi người được hưởng 1/7 phần tài sản của hộ ông T1 là phần đất có diện tích 1.145m² để thi hành án cho Tô H, bà Đỗ Thị K”, hết thời hạn 30 ngày những người này không có ý kiến đối với Thông báo số 523.

Tại Thông báo số: 117/TB-CCTHADS ngày 26/12/2019 của Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời có nội dung: Chi cục THADS đã xác định phần sở hữu, sử dụng đất của hộ ông T1, bà N1; hết thời hạn quy định thành viên hộ không yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của ông T1, bà N1. Chấp hành viên thông báo cho ông H biết trong hạn 15 ngày phải yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của ông T1 bà N1 trong khối tài sản chung với diện tích đất 1.145m².

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/01/2020 và ngày 15/01/2020, ông H bà K căn cứ vào Thông báo số 523 và Thông báo số 117 yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu quyền sử dụng đất của ông T1 bà N1 để đảm bảo thi hành án.

[3] Xét kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị N1 và của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bé T2 có cùng nội dung, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do: Cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng và nội dung phán quyết chưa phù hợp, bởi vì quyền sử dụng đất là của Hộ gia đình chứ không phải của ông T1 bà N1; Tòa án cấp sơ thẩm không mời các con của bị đơn tham dự phiên tòa vì những người con là thành viên Hộ gia đình cùng được cấp QSD đất

chứ QSD đất không thuộc về ông T1 bà N1; Trên phần đất có nhiều căn nhà đã được bị đơn cho nên nhà để cất nhà nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định tại chỗ.

3.1- Xem xét về tố tụng

- Về thời gian, địa điểm niêm yết:

Ngày 05/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự và ra Thông báo số 57/TB-TA ngày 06/9/2023 về việc mở phiên tòa xét xử lúc 08 giờ 00 phút ngày 20/9/2023.

Do không tổng đạt trực tiếp được cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Chúc L, Nguyễn Thị Bé T2, Nguyễn Thị Bé T3, Nguyễn Phương L2 và Nguyễn Khánh L3 nên cấp sơ thẩm lập biên bản niêm yết cùng ngày 06/9/2023, nhưng không niêm yết tại trụ sở Tòa án.

Như vậy, vi phạm khoản 2 Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự là vi phạm về thời hạn niêm yết (chỉ niêm yết 14 ngày trong khi luật quy định thời hạn 15 ngày) và vi phạm không niêm yết tại trụ sở Tòa án.

- Về biên bản phiên tòa: Biên bản phiên tòa khai mạc lúc 07 giờ 30 phút ngày 28/9/2023 nhưng kết thúc lúc 10 giờ 10 phút ngày 28/9/2022.

3.2- Xem xét về nội dung

- Bản án sơ thẩm xét xử vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn, vì nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào Thông báo số 250 và Thông báo số 117 do Chi cục THADS xác định: Ông T1, bà N1, Chúc L, Bé T2, Bé T3, Phương L2 và Khánh L3 mỗi người được hưởng 1/7 phần tài sản của hộ ông T1 là phần đất có diện tích 1.145m² để thi hành án cho Tô H, bà Đỗ Thị K; Nguyên đơn yêu cầu xác định phần tài sản của ông T1 bà N1 theo Thông báo số 250, nhưng bản án sơ thẩm lại xem xét toàn bộ QSD đất và công nhận toàn bộ 1.145m² thuộc về ông T1 bà N1.

- Quyền sử dụng đất 1.145m² cấp cho Hộ ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị N1 vào năm 2005. Theo bị đơn xác nhận thì Hộ gia đình có 07 người gồm vợ chồng và 05 người con. Căn cứ khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định: *Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống..., đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất...;* và theo quy định tại khoản 4 Mục III Công văn số 01/2017 ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao thì việc xác định ai là thành viên của Hộ gia đình phải căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Trường hợp cần thiết Tòa án có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận QSD đất xác định thành viên Hộ gia đình tại thời điểm cấp giấy. Trong vụ án này, việc xác định thành viên Hộ gia đình là cần thiết.

- Trên phần đất 1.145m², ông T1 bà N1 đã cho 05 người con mỗi người một nền nhà chiều ngang khoảng 05m, dài từ tiền đến mé sông, có 03 người xây cất nhà, sự kiện tặng cho QSD đất cho trước khi có tranh chấp với ông H bà K; Ngoài ra, năm 2017 ông T1 bán cho vợ chồng Cao Hải L4, Trần Thị P 50m² (05x10m)

giá 40.000.000 đồng. Do Giấy chứng nhận QSD đất ông T1 thế chấp vay Ngân hàng nên không tách thừa cho các con và ông L4. Cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định tại chỗ và không có văn bản gửi cho những người có quyền lợi liên quan xem họ có khởi kiện hay không, mà lại tách ra khi nào có yêu cầu sẽ thụ lý giải quyết là chưa xem xét toàn diện vụ án.

[4] Từ nhận định trên, với những thiếu sót đã phân tích, những căn cứ này cấp phúc thẩm không thực hiện bổ sung được tại phiên tòa, cho nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Do đó, kháng cáo của bị đơn và của chị Bé Thùy được chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm đương sự không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308, 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 378/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm người kháng cáo không phải chịu. Chị Nguyễn Thị Bé T2 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0004861 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

